

BÁO CÁO
Kết quả kinh doanh 2018
**Đương hướng nhiệm vụ kinh
doanh 2019**

Hà nội, tháng 3-2019

Nội dung



- 1. Kinh tế Việt nam và Thị trường bảo hiểm 2018**
- 2. Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2018**
- 3. Hoạt động đầu tư tài chính 2018**
- 4. Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2019**

Tình hình kinh tế và thị trường bảo hiểm 2018

Tình hình kinh tế 2018



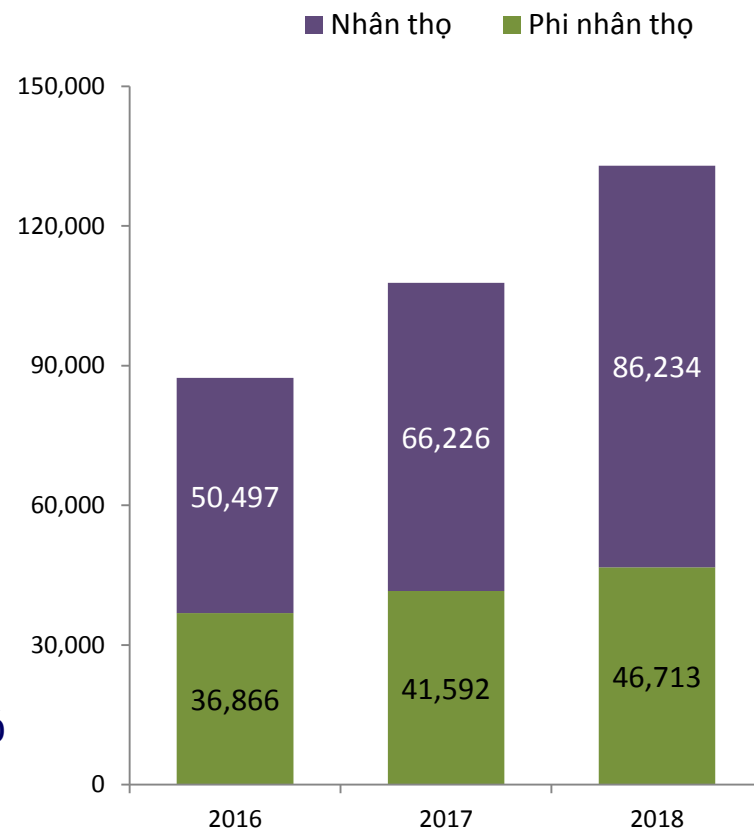
- Tăng trưởng GDP 2018 đạt 7.08% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua
- Trong đó, ngành Nông – lâm nghiệp – thủy sản tăng 3.67%; Công nghiệp và xây dựng tăng 8.85%; Dịch vụ tăng 7.03%
- CPI bình quân tăng 3.54% so với năm trước
- Kim ngạch XK đạt 244.7 tỷ USD, tăng 13.8% so với năm trước. Nền kinh tế xuất siêu 7.2 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 35.46 tỷ USD về vốn đăng ký mới và tăng thêm, bằng 98.8% so với 2017. Tuy nhiên, vốn giải ngân tăng trưởng 9.1%, đạt 19.1 tỷ USD
- Nền kinh tế được cải thiện mạnh mẽ về nội hàm, với chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, số DN thành lập mới tăng mạnh
- Điểm đáng chú ý là tăng trưởng kinh tế đạt được ở mức cao trong khi lạm phát được kiềm chế, tăng trưởng tín dụng ở mức thấp và sản lượng khai thác dầu thô giảm
- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đã có những chuyển đổi lớn về cơ cấu, giúp tăng mạnh về giá trị gia tăng 3 – 5 lần

Thị trường bảo hiểm 2018



- Tổng doanh thu phí của thị trường BHVN 2018 đạt 132,947 tỷ VND, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước
- Trong đó, doanh thu phí BH PNT đạt 46,713 tỷ VND, tăng khoảng 12.3% so với năm trước (tốc độ tăng trưởng của 2017 là 10.6%)
- Doanh thu phí BH Nhân thọ ước đạt 86,234 tỷ VND, tăng 30.1% so với 2017
- Nhóm nghiệp vụ Con người/Sức khỏe và Xe cơ giới (chiếm hơn 60% tổng doanh thu phí BH PNT) có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, cạnh tranh gia tăng, tỷ lệ phí giảm trong khi tỷ lệ bồi thường rất cao
- Các nghiệp vụ BH thương mại truyền thống tiếp tục cạnh tranh gay gắt: BH Tài sản tăng 25% (một phần do tác động của ND 23). BH Kỹ thuật hồi phục không như kỳ vọng. BH Hàng hóa, Thân tàu tăng trưởng không đáng kể
- Nghiệp vụ Tài sản đã trải qua mùa tái tục hết sức khó khăn do kết quả không tốt, tổn thất tiếp tục diễn biến theo hướng xấu đi

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC



Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2018

Kết quả kinh doanh 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Một số chỉ tiêu chính	TH 2018	TH 2017	2018 vs 2017 (%)	KH 2018	% so với kế hoạch
Phí	Phí Nhận TBH	1,802,718	1,651,472	109.2%	1,770,000	101.8%
	Phí Nhượng TBH	(1,017,977)	(1,064,579)	95.6%	(1,093,000)	93.2%
	Phí giữ lại	784,741	586,893	133.7%	677,000	115.9%
	Giảm/(Tăng) dự phòng phí	(102,039)	(17,370)	587.4%	(43,800)	233.0%
	Thu nhập phí	682,702	569,523	119.9%	633,200	107.8%
Bồi thường	Chi Bồi thường thực trả (Net)	(261,512)	(247,571)	105.6%	(278,800)	93.7%
	Giảm/(Tăng) DPBT	(62,698)	(50,887)	123.2%	(8,100)	774.0%
	Bồi thường TN giữ lại	(324,210)	(298,458)	108.6%	(286,900)	113.0%
	Tỷ lệ BT/Thu nhập phí (%)	47.0%	52.0%		45.3%	
Lợi nhuận gộp KDNV		135,089	121,608	111.1%	144,000	93.8%
Chi phí Quản lý + Dự phòng phải thu		(79,309)	(65,772)	120.6%	(90,000)	88.1%
Lợi nhuận thuần HĐ KDNV *		55,431	52,247	106.1%	54,000	102.7%
Combined Ratio		91.9%	90.2%		91.8%	
Thu nhập đầu tư & khác		260,249	233,043	111.7%	254,000	102.5%
Lợi tức trước thuế **		315,680	285,290	110.7%	308,000	102.5%

• Lợi nhuận thuần KDNV sau lỗ BHNN thí điểm

** CLTG không được phân phối: 5.377 tỷ VND

Nguyên nhân chủ yếu



❖ Doanh thu phí 2018 đạt 1,802.7 tỷ VND, tăng 9.2% so với 2017, đạt 102% KH cả năm; Phí giữ lại đạt 784.7 tỷ VND, tăng 33.7% so với 2017 và đạt 116% KH cả năm:

- Doanh thu phí từ thị trường trong nước và từ các nghiệp vụ truyền thống tăng trưởng thấp, đặc biệt nghiệp vụ Kỹ thuật.
- Tăng trưởng doanh thu phí/phí giữ lại có sự đóng góp quan trọng từ việc khai thác và phát triển các sản phẩm mới (sản phẩm liên kết bảo hiểm – ngân hàng) và mở rộng trao đổi dịch vụ từ thị trường nước ngoài một cách thận trọng.

❖ Lợi nhuận thuần kinh doanh nghiệp vụ đạt 55.4 tỷ VND, tăng 6.1% so với cùng kỳ năm trước và bằng 102.7% so với kế hoạch

- Nghiệp vụ tài sản có kết quả kinh doanh xấu do ảnh hưởng từ thiên tai.
- Combined ratio tăng lên 91,9% so với 90,2% năm 2017 (Do chi bồi thường tăng, do trích lập dự phòng phí theo qui định).

Kết quả kinh doanh một số nghiệp vụ



- Nghiệp vụ Kỹ thuật: doanh thu phí bằng 87.8% so với 2017, đạt 81% so với kế hoạch cả năm. Nguyên nhân chính do doanh thu phí từ các hợp đồng cố định giảm mạnh, chỉ bằng 85% so với năm trước. Thị trường chưa phục hồi như kỳ vọng, doanh thu phí nghiệp vụ Kỹ thuật của hầu hết các công ty trong thị trường đều giảm. Tỷ lệ phí tiếp tục giảm. Lợi nhuận gộp nghiệp vụ đạt 80.4% kế hoạch năm.
- Nghiệp vụ Tài sản: doanh thu phí tăng 8.7% so với năm trước, đạt 102.3% kế hoạch năm. Tổn thất lớn liên tiếp trong nước và từ hợp đồng nước ngoài ảnh hưởng nặng nề tới lợi nhuận nghiệp vụ (lỗ gộp nghiệp vụ gần 7 tỷ VND).
- Nghiệp vụ Thân tàu: doanh thu phí tăng 2.8% so với 2017, đạt 113.5% kế hoạch năm. Kết quả nghiệp vụ tiếp tục lỗ gộp 5.4 tỷ (có giảm so với năm trước). Tỷ lệ bồi thường tiếp tục ở mức cao (90%).

Kết quả kinh doanh một số nghiệp vụ



- Nghiệp vụ Hàng hóa: doanh thu phí tăng 2% so với 2017, đạt 95.6% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ lệ phí tiếp tục xu hướng giảm, thị trường tăng trưởng không như kỳ vọng. Lợi nhuận gộp nghiệp vụ đạt 102.8% kế hoạch.
- Nghiệp vụ P&I: doanh thu phí tăng 7.2% so với năm trước, đạt 102% kế hoạch năm.
- Nghiệp vụ Hỗn hợp: doanh thu phí tăng 22.1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 111.7% kế hoạch năm, chủ yếu do tăng doanh thu từ việc nhận Tái bảo hiểm các sản phẩm liên kết. Lợi nhuận gộp nghiệp vụ ổn định ở mức thấp.
- Nghiệp vụ Tàu cá: doanh thu phí tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, đạt 132.3% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận phí của các kỳ thanh toán năm trước. Việc triển khai BH Tàu cá trong năm 2018 tiếp tục gặp khó khăn, các công ty chỉ khai thác cầm chừng, doanh thu phí chỉ bằng 29% so với năm 2017 trong khi tình hình bồi thường tăng cao.

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	2018	KH 2018	2017	2018 vs 2017 (%)	% Kế hoạch
Kỹ thuật	194,512	240,000	221,447	87.8%	81.0%
Tài sản	506,565	495,000	466,016	108.7%	102.3%
Dầu khí	2,093	4,000	4,991	41.9%	52.3%
Hàng không	28,160	35,000	38,316	73.5%	80.5%
Hàng hóa	134,782	141,000	132,072	102.0%	95.6%
Thân tàu	62,414	55,000	60,689	102.8%	113.5%
P&I	229,493	225,000	214,064	107.2%	102.0%
Hỗn hợp + SPLK	520,460	466,000	426,162	122.1%	111.7%
Nhân thọ	2,786	3,000	3,434	81.1%	92.9%
Nông nghiệp	29,849	32,000	32,040	93.1%	93.3%
Tàu cá	86,005	65,000	44,334	194.0%	132.3%
K-care	5,600	9,000	7,907	70.8%	62.2%
Tổng	1,802,718	1,770,000	1,651,472	109.2%	101.9%

Doanh thu phí giữ lại theo nghiệp vụ



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiệp vụ	2018	KH 2018	2017	2018 vs 2017 (%)	% Kế hoạch
Kỹ thuật	118,974	149,000	137,484	86.5%	79.9%
Tài sản	140,727	125,000	117,396	119.9%	112.6%
Dầu khí	186	1,300	1,669	11.1%	14.3%
Hàng không	1,390	2,000	1,669	83.3%	69.5%
Hàng hóa	104,547	110,000	103,322	101.2%	95.0%
Thân tàu	35,266	33,000	36,544	96.5%	106.9%
P&I	48,514	47,000	46,544	104.2%	103.2%
Hỗn hợp +SPLK	269,240	160,000	104,914	256.6%	168.3%
Nhân thọ	2,786	3,000	3,434	81.1%	92.9%
Nông nghiệp	3,342	3,000	2,575	129.8%	114.4%
Tàu cá	56,337	39,000	26,447	213.0%	144.5%
K-care	3,433	5,500	4,896	70.1%	62.4%
Tổng	784,741	677,000	586,893	133.7%	115.9%

Bồi thường



Chỉ tiêu	2018	2017	+/-
Chi bồi thường nhận TBH (1)	787,023	915,028	-128,005
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	525,511	667,456	-141,945
Bổ sung dự phòng bồi thường (3)	62,698	50,887	+11,811
Bồi thường thuộc TNGL (4 = 1-2+3)	<u>324,210</u>	<u>298,458</u>	<u>+25,752</u>

Bồi thường thuộc TNGL tăng 8.6% (25.7 tỷ) so với cùng kỳ năm trước. Trích lập bổ sung DPBT gấp hơn 7 lần so với dự kiến trong kế hoạch, trong đó DPBT cho các tổn thất của nghiệp vụ Tài sản chiếm đến 50%.

Chi tiết các tổn thất lớn tại slide tiếp theo.

Danh sách tổn thất lớn 2018

(phần nhận của VINARE trên USD200,000)



Losses	Insurer	Date of Loss	Line of Business	100% Loss	VNR's share	VNR's Retention
YAKJIN	Bao Viet	14/06/18	Property	15,002,143	4,657,565	331,442
ITUANGO HPP	Swiss Re XOL	28/04/18	Property	125,000,000	3,750,000	1,250,000
KANG NA VIETNAM	Bao Viet	29/04/18	Property	5,866,344	1,767,166	130,338
VINA KOREA	BIC	25/03/18	Property	7,545,374	1,301,983	336,524
INTERNATIONAL ART CREATION	GIC	01/10/18	Property	1,078,414	791,911	372,454
RK RESOURCES	BIC/PJICO	05/04/18	Property	3,250,000	479,232	63,382
SAI GON MY XUAN	Bao Viet/BIC	08/01/18	Property	3,867,924	372,311	25,397
EVERRICH 7	PTI/WOE	28/09/18	P&I	395,975	356,377	46,725
DUYEN HAI 3 TPP	MSIG	07/03/18	Engineering	40,542,640	351,201	188,006
VAM CONG BRIDGE	PVIRE	14/11/17	Engineering	5,500,000	339,911	234,881
PEPPINO	SVIC/VNI	30/03/18	Marine Cargo	3,000,000	288,701	288,701
VIET STAR	BM/WOE	13/06/18	P&I	350,000	283,500	38,556
VINH TAN 4 TPP	GIC/BIC	25/04/18	Engineering	1,200,000	279,863	6,302

Dự phòng nghiệp vụ 2018



Các nghiệp vụ (không bao gồm BHNN thí điểm)

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12/2018	+/- trong kỳ	31/12/2017
Nhận tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	874,337	+79,421	794,916
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,655,329	+152,045	1,503,284
- Dự phòng Dao động lớn	182,011	-2,957	184,968
Nhượng tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	503,493	-22,618	526,111
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,146,291	+89,347	1,056,944
Kết dư dự phòng (net)			
- Dự phòng phí	370,844	+102,039	268,805
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	509,038	+62,698	446,340
- Dự phòng dao động lớn	182,011	-2,957	184,968

Tình hình công nợ kinh doanh TBH

31/12/2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017	+/-
Công nợ phải thu	559,228	758,952	-199,724
Công nợ phải trả	497,517	688,567	-191,050
Net phải thu	61,711	70,385	<u>-8,674</u>

- ✓ Tổng công nợ phải thu net giảm 8.6 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm trước
- ✓ Công nợ phải thu từ 2 năm trở lên đã giảm đáng kể

Quản trị chi phí quản lý, bán hàng & Dự phòng phải thu



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	2018	2017	KH 2018	So sánh	
				2018/17	2018/KH
Chi quản lý	77,773	84,035	87,000	92.6%	89.4%
Dự phòng phải thu	1,536	(18,262)	3,000		51.2%
Tổng	<u>79,309</u>	<u>65,772</u>	90,000	<u>120.6%</u>	<u>88.1%</u>

- Quản trị chặt chẽ chi phí – Tăng hiệu quả
- Quản trị tốt công nợ

Hoạt động đầu tư tài chính 2018

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư



- Mặt bằng lãi suất tiền gửi có xu hướng tăng nhẹ vào cuối năm. Lãi suất huy động VND đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6.7 – 7.4%/năm
- Thị trường chứng khoán Việt nam, chỉ số VN-Index đã giảm về mức 892 điểm vào ngày 31/12/2018, giảm 9.3% trong năm 2018
- Thị trường Bất động sản tăng trưởng ổn định trên tất cả các phân khúc trong năm 2018.
- Moody's đã nâng xếp hạng tín dụng của Việt Nam

Tình hình phân bổ vốn đầu tư (31/12/2018)



Đơn vị: Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Phân bổ đầu tư 31/12/2018	Giá trị đầu tư 1/1/2018	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2,463,000	2,180,000	+283,000	66.9%
2	Trái phiếu	220,000	270,000	-50,000	6.0%
3	Góp vốn DN khác	647,366	655,445	-8,079	17.6%
4	Đầu tư CK, CCQ, Ủy thác đầu tư	285,000	275,500	+9,500	7.7%
5	Văn phòng cho thuê	10,664	10,983	-319	0.3%
6	Đầu tư BĐS	13,304	13,304	0	0.4%
7	Tiền gửi không kỳ hạn	42,229	65,003	-22,774	1.1%
	Tổng cộng	<u>3,681,563</u>	<u>3,470,235</u>	<u>+211,328</u>	<u>100%</u>

- Tổng tài sản đầu tư tăng 6% so với năm trước
- Hoàn thành việc thoái vốn đầu tư tại Bảo hiểm Phú Hưng
- Chưa hoàn thành việc thoái vốn PGI do điều kiện thị trường không thuận lợi
- TTCK sụt giảm về cuối năm, NAV đầu tư qua ủy thác giảm 2.5%

Kết quả hoạt động đầu tư & khác 2018



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	TH/KH 2018	2018/17
Doanh thu đầu tư & khác	355,261	310,500	303,707	114.4%	117.0%
Chi phí đầu tư & khác	95,012	56,500	70,665	168.2%	134.5%
Thu nhập đầu tư & khác	<u>260,249</u>	<u>254,000</u>	<u>233,042</u>	<u>102.5%</u>	<u>111.7%</u>

Chi tiết doanh thu đầu tư & khác

Đơn vị tính: Tr. VND

	Danh mục đầu tư	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	% KH
1	Tiền gửi ngân hàng	158,321	160,000	159,164	98.9%
2	Trái phiếu	20,918	23,000	14,655	90.9%
3	Cổ tức góp vốn	31,135	38,500	27,565	80.9%
4	Chứng khoán niêm yết, CCQ mở, Ủy thác đầu tư	47,834	36,000	39,394	132.9%
5	Văn phòng cho thuê	11,755	12,000	13,243	98.0%
6	Chênh lệch tỷ giá thanh toán trong kỳ + swap	73,584	40,000	48,684	184.0%
7	Thu khác HĐ ĐT, khác	11,714	1,000	1,002	1,171.0%
	Tổng	<u>355,261</u>	<u>310,500</u>	<u>303,707</u>	<u>114.4%</u>

Chi tiết chi phí đầu tư & khác



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Danh mục đầu tư	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	% KH
1	Bổ sung/(hoàn nhập) DP + chi phí CK tự doanh, ủy thác đầu tư và danh mục đầu tư góp vốn	3,873	0	5,147	
1.1	Chi phí, trích lập (hoàn nhập) DP ủy thác ĐTCK	11,954	4,000	5,149	
1.2	Trích lập bổ sung, (hoàn nhập) DP góp vốn dài hạn	(8,081)	(4,000)	-	
1.3	Chứng khoán tự doanh (hoàn nhập, lỗ, chi phí)			22	
2	Chênh lệch tỷ giá thanh toán trong kỳ + chi phí swaps ngoại tệ	82,056	47,800	57,069	171.7%
3	Chi phí cho thuê văn phòng (trực tiếp, phân bổ)	539	1,700	1,556	31.7%
4	Chi khác (chi phí quản lý được phân bổ, chi khác)	8,544	7,000	6,893	122.0%
	Tổng	<u>95,012</u>	<u>56,500</u>	<u>70,665</u>	<u>168.2%</u>

Các hoạt động khác

Các hoạt động khác



NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC		Thực hiện
Phát triển sản phẩm mới. Phân tích thị trường-khách hàng- sản phẩm		Marketing +Nghiệp vụ
Sửa đổi và cập nhật Hướng dẫn Bồi thường.		Ng/vụ, QLRR, BCA
Tối ưu hóa chương trình TBH . Góp ý kiến về chính sách&C. trình BH của CP.		Nghiệp vụ
NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ RỦI RO		Thực hiện
Hoàn thành Báo cáo quản lý rủi ro 6 tháng và năm.		QLRR
Xây dựng và đăng ký nguyên tắc tách quỹ theo yêu cầu Thông tư 50/2017/TT-BTC		TC-KT, QLRR, Đầu tư
Khảo sát đánh giá rủi ro tại các dự án trọng điểm.		QLRR

Đã hoàn thành với chất lượng tốt

Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu

Đang tiếp tục triển khai

Chậm thời hạn so với yêu cầu

Các hoạt động khác



HỘI NGHỊ, HỘI THẢO VÀ ĐÀO TẠO	Thực hiện
Hội nghị Bảo hiểm Tàu cá	Hàng hải
Hội thảo về dự phòng nghiệp vụ	Marketing, QLRR
Hội thảo P&I	Hàng hải
Tổ chức đào tạo về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho các tổ chức tư vấn xây dựng cho MSIG và BVTM	Special Lines
Đào tạo về nghiệp vụ cho các công ty BH gốc	Special Lines + Nghiệp vụ
Tổ chức đào tạo các kỹ năng: tạo động lực, giao việc và ủy quyền, thuyết trình gây ảnh hưởng, phát triển mạng lưới khách hàng cho cán bộ VINARE	NS-TH
Đào tạo nội bộ trong và ngoài nước. .	NS-TH, nghiệp vụ

Đã hoàn thành với chất lượng tốt

Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu

Đang tiếp tục triển khai

Chậm thời hạn so với yêu cầu

Các hoạt động khác



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	Thực hiện
Sửa đổi Quy chế Tổ chức và Hoạt động Ban Risk Management	Risk Management
Triển khai thực hiện Kết luận của Kiểm toán Nhà nước	Các Ban theo phân công
Rà soát việc thực hiện định hướng kinh doanh và mục tiêu 2015 -2020	Ban Giám đốc
Thực hiện kiểm tra VINARE Invest	Đầu tư, TC - KT
Làm việc với tư vấn về các công việc chuẩn bị thành lập KTNB	Tổ dự án
Chuẩn bị kỷ niệm 25 năm ngày thành lập VINARE	Marketing, NS-TH
Hoàn thiện cơ chế đánh giá HQLV	NS-TH
Hoàn chỉnh phần mềm Kế toán tổng hợp	IT, TC-KT, Đầu tư

Đã hoàn thành với chất lượng tốt

Đã hoàn thành chất lượng đạt yêu cầu

Đang tiếp tục triển khai

Chậm thời hạn so với yêu cầu

Đánh giá chung về việc thực hiện KHKD 2018



DOANH THU PHÍ NHẬN	▪ Hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao ▪ Tăng trưởng doanh thu 9.2% so với 2017, là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây ▪ Nguyên nhân chính: các nghiệp vụ truyền thống tăng trưởng bằng với tăng trưởng của các nghiệp vụ có TBH; tăng mạnh về nhận dịch vụ liên kết
DOANH THU PHÍ GIỮ LẠI	▪ Hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao (tăng trưởng 33,7% so với 2017 và đạt 116% so với KH được giao. ▪ Tăng trưởng mạnh là do nhận TBH sản phẩm liên kết (giữ lại 100%)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	▪ Hoàn thành vượt mức kế hoạch
TỔNG CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH TOÀN DIỆN VÀ VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO	

Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2019

Dự báo tình hình kinh tế 2019



- Mục tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ: 6.6 – 6.8%; lạm phát 4 - 5%; kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước ở mức 3.6%. Các chuyên gia kinh tế dự báo kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng 7% trong năm 2019.
- Chính phủ chủ trương thúc đẩy kinh tế tư nhân, đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, khuyến khích cách mạng công nghệ 4.0.
- Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung có thể ảnh hưởng đến thương mại của Việt Nam và nền kinh tế Việt Nam .
- Những thách thức khác đối với nền kinh tế đến từ việc tăng trưởng kinh tế ngày càng phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, việc tăng trưởng tín dụng và cung tiền ở mức cao sẽ khiến kéo dài rủi ro tiềm ẩn về nợ quốc gia và mất ổn định kinh tế vĩ mô.
- Dự báo áp lực lên tỷ giá được giảm thiểu do các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi.

Dự báo thị trường bảo hiểm Việt Nam 2019



- Cục QLGS dự báo doanh thu phí toàn thị trường 2019 tăng trưởng 20%. Trong đó, Bảo hiểm Phi nhân thọ dự kiến tăng trưởng 10%, Bảo hiểm Nhân thọ tăng trưởng trên 30%.
- Các DNBH đang vào cuộc đua cách mạng Insurtech nhằm nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian giải quyết bồi thường, đưa ra cách tiếp cận mới đối với sản phẩm bảo hiểm và cả những loại hình sản phẩm bảo hiểm mới phù hợp với nhu cầu và cuộc sống của từng cá nhân khách hàng, nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm.
- Bộ Tài chính chuẩn bị xây dựng Luật Kinh doanh Bảo hiểm mới với nhiều thay đổi liên quan đến quản trị rủi ro: đề xuất mô hình quản lý vốn trên cơ sở rủi ro, các cách thức quản trị rủi ro tiếp cận với thông lệ quốc tế.
- Thị trường Bảo hiểm tiếp tục hấp dẫn dòng vốn ngoại và sẽ tiếp tục có các giao dịch bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài trong năm 2019.

Chủ trương của VINARE 2019



❖ Kinh doanh TBH:

- **Chủ trương chung:** Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình TBH, các giải pháp phát triển bền vững).
- **Một số lĩnh vực cụ thể:**
 - Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới: Rủi ro thiên tai, các sản phẩm BH cho khu vực công, BHNN
 - Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận có hiệu quả trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ rủi ro và hiệu quả. Hoàn chỉnh báo cáo Thị trường-khách hàng - sản phẩm. Mở rộng thị trường quốc tế.
 - Vận hành chương trình IT mới của bộ phận Tài chính-KT-Đầu tư.
 - Tiếp tục đề án Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự.

Chủ trương của VINARE 2019



❖ Đầu tư:

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn.
- Rà soát phân bổ lại tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quyết định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE. Đánh giá rủi ro và phân bổ tài sản đầu tư và có giải pháp cụ thể, đảm bảo hiệu quả - bền vững- đảm bảo tính thanh khoản.
- Rà soát, đánh giá danh mục góp vốn vào các doanh nghiệp và tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn theo quy định.

Kế hoạch kinh doanh 2019



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1,967,000	1,802,718	9.1%
Phí giữ lại	944,600	784,741	20.4%
Lợi nhuận trước thuế	331,000	315,680	4.9%
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG (không được chia)	331,000	310,302	6.7%
- CLTG (không được chia)	Không xác định	5,378	
Cổ tức dự kiến	12%	12%	

Kế hoạch thu nhập đầu tư 2019



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Danh mục đầu tư	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	2018/2017 (%)
Doanh thu đầu tư & khác	381,000	355,261	107.2%
Chi phí đầu tư & khác	91,000	95,012	95.8%
Thu nhập đầu tư & khác	290,000	260,249	111.5%

Kế hoạch chi quản lý 2019



Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2017	Chênh lệch
Chi quản lý	80,000	77,773	+ 2,227
Dự phòng phải thu	3,000	1,536	+1,464

Nhiệm vụ trọng tâm 2019

1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2019.
2. Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực: BH Tài sản công, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp ... Tăng cường giải pháp/ năng lực TBH cho thị trường.
3. Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
4. Hoàn chỉnh báo cáo Thị trường- khách hàng- sản phẩm và các giải pháp thích hợp.
5. Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy theo đề án; đưa vào sử dụng hệ thống IT cho Ban TCKT- ban ĐT
6. Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
7. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm.
8. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
9. Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá/thoái vốn theo lộ trình.
10. Tổ chức thành công lễ kỷ niệm 25 năm thành lập VINARE.

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực



Marketing

- Phân nhóm khách hàng và đề xuất thực hiện các chính sách riêng biệt với từng nhóm khách hàng/khách hàng, đặc biệt chú trọng chính sách khách hàng trong nước.
- Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Khai thác dịch vụ quốc tế: xác định các thị trường tiềm năng và chiến lược tiếp cận và mở rộng trao đổi nhận/nhượng một cách thận trọng.
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và giải pháp chuyển giao rủi ro mới (BH Nat Cat, Nông nghiệp, Trách nhiệm, ...) và kênh phân phối mới.
- Tăng cường hợp tác với các công ty tái bảo hiểm quốc gia trong khu vực (Thai Re, Philipin Re, ..) trong việc phát triển sản phẩm tại thị trường Việt nam và trao đổi dịch vụ với các thị trường trong khu vực.

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực



Đầu tư

- Tăng cường Quản trị rủi ro.
- Đánh giá danh mục góp vốn vào doanh nghiệp khác và phân bổ tài sản đầu tư.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, thận trọng đánh giá danh mục ủy thác đầu tư.
- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết.

Tài chính - Kế toán

- Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các quy trình quản lý chi phí và các chính sách thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Risk Management

- Tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro của VINARE và thị trường.
- Nâng cao năng lực quản lý tài sản – nợ phải trả (Asset Liability Management).

Nhiệm vụ/Giải pháp cơ bản trong từng lĩnh vực



Quản trị công ty & Tổ chức bộ máy

- Đánh giá và nghiên cứu lộ trình chuyển đổi mô hình quản trị công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo ...).

Công nghệ thông tin

- Vận hành hệ thống IT an toàn, hiệu quả.
- Bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống.
- Hoàn thành xây dựng hệ thống kế toán tổng hợp

XIN CẢM ƠN